**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: ………………………………** | Họ và tên giáo viên: |
| **Tổ: ……………………………………** | ………………………………………….. |

**CHUYÊN ĐỀ 3: SINH THÁI NHÂN VĂN**

BÀI ÔN TẬP CHUYÊN ĐỀ 3

Môn Sinh học; Lớp: 12

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC | MỤC TIÊU | MÃ HOÁ |
| **1. Về năng lực**  ***1.1. Năng lực sinh học*** | | |
| *Nhận thức  sinh học* | Tìm được từ khoá và sử dụng được thuật ngữ khoa học để kết nối thông tin theo logic có ý nghĩa trong việc xây dựng sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về sinh thái nhân văn. | SH 1.8.1 |
| Sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau để hoàn thành các bài tập ôn tập Chuyên đề 3. | SH 1.8.2 |
| *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học* | Vận dụng những hiểu biết về sinh thái nhân văn để giải thích được những hiện tượng thường gặp trong đời sống. | SH 3.1 |
| ***1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Tự chủ và  tự học* | Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập các nội dung về sinh thái nhân văn; biết tự điều chỉnh cách học tập môn Sinh học cho phù hợp. | TCTH 6.3 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Lựa chọn được hình thức làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | GTHT 3 |
| *Giải quyết vấn đề và sáng tạo* | Nêu được ý tưởng mới trong việc hệ thống hoá kiến thức về sinh thái nhân văn. | VĐST 3 |
| **2. Về phẩm chất** | | |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn khi học tập về sinh thái nhân văn. | CC 1.1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Đối với giáo viên

‒ Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức Chuyên đề 3.

‒ Bộ câu hỏi có nội dung về sinh thái nhân văn (nếu GV thiết kế trò chơi).

‒ Máy tính, máy chiếu.

2. Đối với học sinh

‒ Bảng trắng, bút lông.

‒ Giấy roki khổ A0.

‒ Thiết bị (máy tính, điện thoại) có kết nối internet.

‒ Biên bản thảo luận nhóm.

‒ Nội dung trả lời các câu hỏi trong bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1. LUYỆN TẬP (30 phút)**  **Hoạt động 1.1. Hệ thống hoá kiến thức (10 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.8.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ GV chia HS thành bốn nhóm học tập, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ  độc lập:  + Nội dung 1: Giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững.  + Nội dung 2: Giá trị của sinh thái nhân văn trong nông nghiệp.  + Nội dung 3: Giá trị của sinh thái nhân văn trong phát triển đô thị; bảo tồn và phát triển.  + Nội dung 4: Giá trị của sinh thái nhân văn trong thích ứng với biến đổi  khí hậu.  ‒ GV giao nhiệm vụ cho HS tiến hành tại nhà trước khi tiết ôn tập diễn ra và yêu cầu HS đăng sản phẩm của nhóm đã thực hiện lên các trang cá nhân, Padlet,… để các nhóm đánh giá chéo. Trong tiết học, mỗi nhóm lên trình bày sản phẩm trong thời gian GV quy định.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:***  ‒ HS thiết kế sản phẩm học tập theo yêu cầu của GV.  ‒ HS chia sẻ Padlet trên các trang mạng xã hội để mọi người bình chọn.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ Mỗi nhóm cử một đại diện trình bày sản phẩm của nhóm mình.  ‒ Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho sản phẩm học tập  của HS.  ‒ GV dùng công cụ 2 và 8 để đánh giá.  **Hoạt động 1.2. Hướng dẫn giải bài tập (20 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “ Họp quà bí mật”: Các đội thi sẽ cùng nhau trả lời 4 câu hỏi trong SCĐ trang 68 và 69. Mỗi đội sẽ chọn ngẫu nhiên bốc thăm thứ tự nhận câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, đội thi sẽ có 30 giây để suy nghĩ và trả lời. Nếu trả lời đúng sẽ được chọn 1 trong 2 hôp quà được chuẩn bị sẵn, Trong các hộp quà có sẵn số điểm nhận được một món quà hoặc nhân đôi điểm, ….. Nếu trả lời sai không bị trừ điểm; các đội còn lại giành quyền trả lời bằng cách giơ bảng, nếu trả lời đúng sẽ được 10 điểm, trả lời sai không bị trừ điểm.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS tham gia trò chơi dưới sự dẫn dắt của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:***  ‒ HS trình bày câu trả lời của nhóm mình.  ‒ Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho phần thi của  các nhóm.  ‒ Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.  ‒ GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá. |
| **HOẠT ĐỘNG 2. VẬN DỤNG (15 phút)**  **a) Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; CC 1.1.  **b) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Giao nhiệm vụ học tập:***  ‒ GV hướng dẫn HS tham gia Vòng 3 “Về đích”: Các đội thi thực hiện các sản phẩm học tập tại nhà qua Google Form hoặc trình bày theo mẫu mà GV yêu cầu, nộp lại cho GV trên Padlet hoặc Google Drive từ ngày …/…/… đến …/…/…  ‒ Mỗi câu trả lời đúng sẽ được 25 điểm, trả lời sai bị trừ 10 điểm.  ‒ Đội có tổng số điểm ở ba vòng thi đạt cao nhất sẽ là đội chiến thắng.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS trả lời câu hỏi và nộp bài theo yêu cầu của GV.  ***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày nội dung trả lời các câu hỏi được yêu cầu.  ***\* Kết luận, nhận định:***  ‒ GV nhận xét, chỉnh sửa và công bố kết quả điểm số cho phần thi của  các nhóm.  ‒ Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SBT.  ‒ GV sử dụng công cụ 1 và 2 để đánh giá. |

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

|  |  |
| --- | --- |
| **ÔN TẬP CHUYÊN ĐỀ 3** | |
| A. Hệ thống hoá kiến thức | SCĐ trang 68 |
| B. Bài tập | SCĐ trang 68 |

**B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

**‒ Sản phẩm**

‒ **Sản phẩm:**

+ Sản phẩm 1: Câu trả lời của HS.

+ Sản phẩm 2: Sản phẩm học tập hệ thống hoá kiến thức Chuyên đề 3.

**‒ Công cụ đánh giá**

+ Công cụ 1: Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi.

+ Công cụ 2: Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự   
đánh giá).

+ Công cụ 8: Thang đo đánh giá sơ đồ học tập (sơ đồ tư duy, sơ đồ hệ thống hoá,…).

**– Công cụ 1:** Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi, bài tập   
thực tiễn.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi/Bài tập | Đáp án | Điểm  tối đa | Điểm HS  đạt được |
| Câu 1: | … | … | … |
| … | … | … | … |

**– Công cụ 2:** Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự   
đánh giá).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Điểm  tối đa | Điểm HS  đạt được | Hành vi của HS |
| Sẵn sàng, vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao. | 1 |  |  |
| Thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân được giao. | 2 |  |  |
| Chủ động liên kết các thành viên có những điều kiện khác nhau vào trong các hoạt động của nhóm. | 2 |  |  |
| Sẵn sàng giúp đỡ thành viên khác trong nhóm khi cần thiết. | 2 |  |  |
| Chủ động chia sẻ thông tin và học hỏi các thành viên trong nhóm. | 1 |  |  |
| Đưa ra các lập luận thuyết phục được các thành viên trong nhóm. | 2 |  |  |

**– Công cụ 8:** Thang đo đánh giá sơ đồ học tập (sơ đồ tư duy, sơ đồ hệ thống hoá,…).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Điểm tối đa | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |
| Nội dung đầy đủ. | 3 |  |  |  |  |  |
| Nội dung chính xác. | 3 |  |  |  |  |  |
| Trình bày khoa học, màu sắc hài hoà. | 2 |  |  |  |  |  |
| Có tính sáng tạo. | 2 |  |  |  |  |  |